

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
11	PHƯỜNG XUÂN TÂN							487.300.000	
2991	1 Lê Đạt	1915		270495943	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2992	2 Nguyễn Thị Lưu		20/10/1923	270542450	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2993	3 Nguyễn Văn Cảnh	1924		270541677	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2994	4 Phạm Thị Linh		1922	270541072	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2995	5 Phạm Thị Ngắm		06/1923	140920826	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2996	6 Trần Thị Xuân		1923	272204922	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2997	7 Trương Thị Đào		1925	270543061	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2998	8 Đỗ Thị Đầu		1922	170220988	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2999	9 Lê Thị Ngân		1926	270495498	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3000	10 Võ Thị Mỏ		1928	270495965	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3001	11 Nguyễn Thị Sáu		1930	270541242	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3002	12 Nguyễn Thị Hủy		12/02/1930	272042187	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3003	13 Trương Văn Long	1930		270541099	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3004	14 Nguyễn Trờ	1929		270541562	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3005	15 Nguyễn Thị Tý		1929	270495025	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3006	16 Trần Thị Cảnh		1927	270495517	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3007	17 Lê Văn Gi	1930		270541312	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3008	18 Lê Thị Bé		1928	272352807	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3009	19 Lê Thị Ngọc Liên		1930	270541390	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3010	20 Nguyễn Thị Lang		1930	270542513	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3011	21 Huỳnh Bảy	19/08/1930		200708622	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3012	22 Trần Thị Em	10/01/1930		270542703	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3013	23 Nguyễn Thị Lướt		1931	270541853	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3014	24 Lý Hình Tài	1929		270541798	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3015	25 Nguyễn Thị Phong		1930	270534173	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3016	26 Hà Thị Mão		1930	2724235936	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3017	27 Tô Thị Hoa		1930	270495823	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3018	28 Nguyễn Thị Doãn		19/08/1929	270790517	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3019	29 Võ Thị Chương		1931	270495951	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3020	30 Nguyễn Văn Vàng	1930		270495859	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3021	31 Trương Văn Liên	1929		272423881	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3022	32 Nguyễn Chuyên		20/10/1931	272042068	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3023	33 Lê Thị Hà		1931	270541767	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3024	34 Lưu Thị Hoi		1932	270495181	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3025	35 Trần Văn Vồng	1932		270155037	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3026	36 Nguyễn Văn Thanh	1932		270495654	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3027	Lê Đình Thung	1932		270968473	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3028	Ngô Thị Sai		1932	270495109	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3029	Nguyễn Thị Lôi		1932	380643347	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3030	Nguyễn Thị Lê		1933	270495890	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3031	Lê Thị Đă		1933	270541291	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3032	Nguyễn Thị Lê		1933	270495860	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3033	Nguyễn Thừa	02/03/1933		272030931	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3034	Trần Cốc	1933		270495932	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3035	Lê Thị Lý			272496987	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3036	Trần Thị Uyên		9/20/1933	270542414	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3037	Trần Thị Uyên		1934	270154652	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3038	Nguyễn Văn Đăng	1934		270154652	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3039	Phạm Thị Tuyền			272030953	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3040	Nguyễn Thị Dụ		17/05/1934	271988988	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3041	Nguyễn Thị Các		1935	270542579	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3042	Nguyễn Thị Nhỏ		1935	270542471	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3043	Nguyễn Thị Mông		1935	270542904	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3044	Nguyễn Thị Ty		1935	270154627	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3045	Lê Thị Tư		1935	270154643	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3046	Nguyễn Thị Năm		1935	270154687	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3047	Võ Thị Trắng		1935	270534176	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3048	Hồ Thị Nhom		1935	270495674	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3049	Trần Thị Kim Lang		10/5/1935	272042181	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3050	Cao Ngọc Anh	22/10/1935	01/01/1932	271048030	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3051	Cao Thị Chính			272042096	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3052	Huỳnh Thị Cái		07/11/1935	270541297	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3053	Phạm Thị Khen		1929	272516125	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3054	Võ Thị Xuân		1936	270541406	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3055	Phí Thoại	1936		270541262	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3056	Trần Thanh	1936		270495268	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3057	Nguyễn Thị Thông			270495968	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3058	Khổng Thị Trang		1936	270541181	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3059	Huỳnh Thị Rơ		1936	270719995	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3060	Nguyễn Thị Hoa		1936	270136353	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3061	Nguyễn Thị Hạnh		03/02/1936	272081312	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3062	Nguyễn Thị Y			276541112	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3063	Võ Thành Công	20/04/1936	1936	270495430	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
				272042144	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3064	74 Nguyễn Thị Trang		02/08/1936	270542521	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3065	75 Huỳnh Thị Nờ		1928	270543022	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3066	76 Phan Thị Huân		1937	270542787	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3067	77 Tăng Phát Hương		1937	270541268	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3068	78 Phan Thị Nhựt		1937	270495795	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3069	79 Cao Thị Kém		1937	270154805	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3070	80 Quách Thị Thông		1937	270534269	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3071	81 Dương Văn Hồ	1937		290968582	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3072	82 Nguyễn Văn Đông	1937		270495521	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3073	83 Nguyễn Hữu Tráng	1937		270495809	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3074	84 Đinh Việt Diên	05/02/1937		270988574	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3075	85 Ngô Ngồn	12/6/1937		270822117	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3076	86 Nguyễn Thị Xăng		06/10/1937	270542677	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3077	87 Nguyễn Ngọc Quý		01/10/1937	270495956	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3078	88 Phạm Xuân Phi	1934		245320078	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3079	89 Nguyễn Thị Nhỏ		1935	245319384	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3080	90 Nguyễn Thị Nhung		1938	270541092	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3081	91 Hoàng Thị Huệ		1938	270495522	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3082	92 Phạm Thị Vân		1938	272874493	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3083	93 Vũ Thị Phương		1938	270495753	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3084	94 Huỳnh Thị Sâm		1938	272042057	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3085	95 Nguyễn Thị Xinh		1938	270495683	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3086	96 Nguyễn Thị Minh		1938	270968473	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3087	97 Trần Thị Mười		1938	272031278	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3088	98 Khổng Thị Thu Hương		1938	270542993	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3089	99 Nguyễn Thị Lợi		1938	270534264	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3090	100 Hồ Văn Thái	1938		270541227	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3091	101 Nguyễn Thị Nga		03/03/1938	272496784	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3092	102 Nguyễn Ngọc Chi	23/06/1938		270495102	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3093	103 Nguyễn Văn Nhon	12/06/1938		270573709	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3094	104 Nguyễn Thị Tranh		05/08/1938	270136212	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3095	105 Trần Văn Tư	1930		270479276	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3096	106 Trương Công Thành	20/02/1938		270560311	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3097	107 Nguyễn Thị Gái		1939	270154631	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3098	108 Phạm Thị Nã		1939	270534436	Khu Phố Nông Doan	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3099	109 Nguyễn Văn Huỳnh	1939		270495058	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3100	110 Nguyễn Bá Núi	1939		270541470	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3101	111 Phạm Thị Ý		02/02/1939	270822077	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3102	112 Mai Thị Khuyên		05/04/1939	271642317	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3103	113 Nguyễn Thị Nhất		10/05/1939	270495072	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3104	114 Nguyễn Văn Giỏi	17/05/1939		270136791	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3105	115 Nguyễn Thị Thơm		16/07/1939	270495920	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3106	116 Nguyễn Thị Đình		03/08/1939	270542537	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3107	117 Bùi Thị Út		10/08/1939	272042495	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3108	118 Lê Thị Sinh		01/09/1939	270495634	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3109	119 Nguyễn Văn Toàn	15/09/1939		270541055	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3110	120 Hà Thị Cơ		01/10/1939	270822052	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3111	121 Nguyễn Thị Quát		1940	270541726	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3112	122 Nguyễn Trục	1940		270968465	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3113	123 Hồ Thị Thê		1940	270968462	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3114	124 Hoàng Thị Ánh		1940	270416358	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3115	125 Đỗ Thị Bội		1940	270541345	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3116	126 Nguyễn Hữu An	1940		270541015	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3117	127 Nguyễn Thị Tinh		1940	270154657	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3118	128 Lê Thị Hoa		1940	270154653	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3119	129 Nguyễn Văn Kề	1940		270541064	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3120	130 Nguyễn Thị Đa		1940	270542717	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3121	131 Thị Thỏ		1940	270540369	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3122	132 Nguyễn Thành Đường	11/01/1940		270542501	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3123	133 Nguyễn Thị Bu		1940	270154685	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3124	134 Nguyễn Thị Nhi		1940	270541380	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3125	135 Nguyễn Thị Kinh	12/02/1940		272030932	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3126	136 Lê Thị Phương		1940	270542652	Khu Phố Tân Phong	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3127	137 Lê Văn Thành	03/04/1940		272042093	Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3128	138 Trần Thị Xuân Nhi		13/11/2010		Khu Phố Cẩm Tân	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3129	139 Nguyễn Tuấn Đạt				Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3130	140 Lê Đăng Quỳnh Như	04/12/2004		276007909	Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3131	141 Lê Hoàn Quân		09/05/2004		Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3132	142 Nguyễn Thanh Tín	20/10/2007			Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3133	143 Hồ Quốc Huy	06/08/2000		272723417	Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3134	144 Lê Hoàng Long	10/02/1999		272753395	Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3135	145 Cao Tuấn Khanh	29/04/2001		272813053	Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3136	146 Hứa Thị Bích Tâm	20/01/2002		272872580	Khu Phố Cẩm Tân	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3137	147 Lương Thị Hồng Yến		1986	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
			07/03/1988	272450778	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3138	148 Võ Thanh Long	27/09/1992		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3139	149 Lê Thị Trúc Giang		1989	272042209	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3140	150 Huỳnh Công Bình	1986		271988173	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3141	151 Nguyễn Ngọc Tấn	1971		272047979	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3142	152 Trần Thị Thùy Trang		1976	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3143	153 Trần Thanh Linh	1973		271257772	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3144	154 Nguyễn Văn Việt	14/03/1961		270495961	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3145	155 Hồ Thị Mai		27/06/1986	271703677	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3146	156 Nguyễn Văn Ngọc	11/03/1961		270652089	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3147	157 Trần Văn Thanh	1964		270495140	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3148	158 Nguyễn Thị Thu		1979	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3149	159 Huỳnh Công Hoài	05/02/1980		271355482	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3150	160 Đinh Tới	08/07/1990		272081622	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3151	161 Trần Hữu Thanh	15/04/1962		270495549	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3152	162 Hồ Thị Ngọc Liễu		04/11/1969	270827626	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3153	163 Nguyễn Thị Hồng Hạnh		10/12/1962	272204217	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3154	164 Đỗ Cao Vinh	08/02/1976		271310023	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3155	165 Nguyễn Tào	1961		270542912	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3156	166 Nguyễn Thành Hùng	29/03/1964		270639459	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3157	167 Nguyễn Hữu Tài	1982		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3158	168 Hồ Thị Hạnh		20/09/1988	271806718	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3159	169 Trần Việt Nữ Khánh An		25/05/1994	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3160	170 Trần Kim Loan		1966	272042801	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3161	171 Trần Văn Trang	10/05/1964		270541261	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3162	172 Lê Mười	19/08/1974		271172194	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3163	173 Lê Anh Dũng	06/07/1997		272558304	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3164	174 Nguyễn Trần Xuân Luân	26/06/1997		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	Đã thông
3165	175 Nguyễn Thị Nót		16/07/1986	321280338	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	Đã thông
3166	176 Phạm Văn Hùng	01/03/1968		270878761	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3167	177 Võ Thị Hồng		04/10/1983	271591336	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3168	178 Hoàng Thị Tuyết		01/12/1959	270459394	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3169	179 Thái Ngọc Minh Tâm	01/01/1998		Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3170	180 Trần Đình Lộc	5/20/1967		270790326	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3171	181 Ngô Tài	2/23/1982		271591502	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3172	182 Nguyễn Minh Tuấn	9/16/1987		272671487	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3173	183 Võ Thị Cẩm Tú		1986	271703707	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3174	Nguyễn Sỹ Huy Tùng	11/08/1999		272836818	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3175	Trần Thanh	01/01/1972		272752606	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	Đa nương
3176	Thị Quỳnh Anh		2/10/1986	271703625	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3177	Nguyễn Văn Thanh	12/12/1964		270495074	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3178	Lương Ngọc Quang	6/20/1972		270968632	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3179	Nguyễn Thị Kim Phượng		3/5/1992	272109563	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3180	Trịnh Minh Thái	1969		Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3181	Bùi Thị Diễm		04/10/1966	270790210	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3182	Vũ Văn Luân	1970	1986	272003761	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3183	Lê Thị Mỹ Chi		11/08/1967	270968368	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3184	Huỳnh Huy Tiến	23/12/1983		271678901	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3185	Nguyễn Văn Ngọc	20/01/1990		272134076	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3186	Lê Thị Phương Hạnh		10/02/1980	271405310	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3187	Cao Thị Diễm		1969	271897828	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3188	Nguyễn Thanh Lâm	10/02/1982		271573224	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3189	Nguyễn Văn Thắng	13/10/1968		270798678	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	Đa nương
3190	Phạm Thị Thủy		12/12/1979	271335088	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3191	Phạm Thế Mạnh	15/05/1980		271404002	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3192	Huỳnh Nhật Huy	16/11/1981		271463826	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3193	Trần Hữu Văn	30/12/1962		272003806	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3194	Nguyễn Hữu Tâm	1967		272047802	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3195	Phạm Thị Trang		19/08/1985	271624395	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3196	Trần Thị Quyên		12/10/1964	270495303	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3197	Trần Thị Hồng Trinh		27/03/1989	271835959	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3198	Nguyễn Văn Minh			270550111	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3199	Lê Minh Chánh	12/01/1965		271897269	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3200	Lê Tuấn Thành	25/10/1966		272905303	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3201	Trương Hoàng Phúc	12/12/2002		2711164229	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3202	Nguyễn Văn Nôn	20/12/1975		270541301	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3203	Trần Thị Thủy	1961	1967	270790364	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3204	Đỗ Tấn Bích	04/06/1971		272042254	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3205	Trương Văn Phụng	28/03/1966		270790735	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3206	Tào Minh Tài	28/07/2003		276034372	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3207	Thị Diễm		1951	270572536	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3208	Lê Thị Nhac		02/09/1952	00562098	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tỷ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3209	219 Nguyễn Thị Sóm		1949	271404336	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3210	220 Đào Thị Nga		18/04/1948	270495990	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3211	221 Phan Thị Xê		1940	270541461	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3212	222 Lưu Tự Khai		20/04/1939	270651521	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3213	223 Nguyễn Thị Châm		12/02/1918	270326539	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3214	224 Ngô Văn Thiệt	1953		270495733	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3215	225 Cao Quang Tuấn		19/12/1948	272042084	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3216	226 Vũ Mộng Hoàng		08/08/1950	270790402	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3217	227 Nguyễn Thanh Xuân		20/08/1946	270542442	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3218	228 Nguyễn Kiên		20/04/1953	272042079	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3219	229 Trần Thị Nhan		02/12/1952	270541601	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3220	230 Hoàng Thị Ty		10/04/1952	270495325	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3221	231 Vũ Thị Siu		1938	270154708	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3222	232 Hoàng Minh Đức		03/04/1951	270495717	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3223	233 Lê Thị Hai		1930	270543010	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3224	234 Nguyễn Văn Châu		17/05/1954	270495832	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3225	235 Nguyễn Văn Tấn	1954		270542929	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3226	236 Nguyễn Văn Bach	1932		270541777	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	500.000	chết 20/4
3227	237 Dương Thị Nho		7/12/1953	270541537	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3228	238 Nguyễn Văn Cảnh		28/02/1955	270790366	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3229	239 Lê Thị Châu		10/1/1943	272042135	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3230	240 Lê Thị Long		1937	272042090	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3231	241 Phạm Văn Lý	1937		270541270	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3232	242 Nguyễn Thị Trúc		1941	270541468	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3233	243 Lâm Thị Phi		1936	272042003	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3234	244 Phan Văn Thịnh		8/15/1954	271806226	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3235	245 Trần Thị Nhũ		1950	270776715	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3236	246 Đỗ Thị Ngọc Sương		1955	272042175	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3237	247 Nguyễn Thị Phòng		1945	270154799	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3238	248 Đặng Văn Nganh	1958		270543018	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3239	249 Lê Chiến		02/03/1958	272137914	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3240	250 Nguyễn Thị Tâm		1928	270968511	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3241	251 Nguyễn Thị Nhung		03/1/1933	270495780	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3242	252 Nguyễn Văn Hương	1941		270541135	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3243	253 Lê Phùng Vân		26/07/1956	271119189	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3244	254 Nguyễn Thị Thach		1958	270968742	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3245	255 Trần Ngọc Anh		07/05/1929	270541583	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3246	Lê Thị Lý		1937	270542916	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3247	Nguyễn Văn Dực	01/01/1943		270570462	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3248	Tăng Văn Kinh	04/02/1940		270539283	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	500.000	chết 03/4
3249	Kiều Văn Tân	10/06/1950		270790633	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3250	Huỳnh Văn Bá	1935		272549234	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3251	Hoàng Minh Châu	21/03/1959		270495392	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3252	Nguyễn Công Ný	1956		205349956	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3253	Phạm Thị Huệ		12/05/1959	270542817	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3254	Nguyễn Thị Nữ		04/06/1959	272396836	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3255	Trần Ngọc Thành	1935		272707139	Chu phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3256	Nguyễn Minh Trí	13/01/1956		270541876	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3257	Nguyễn Thị Tuyết Trung		1930	270541771	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3258	Phạm Thị Gái		15/03/1949	270567372	Chu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3259	Thỏ Huyền	1956		271554473	Chu Phố Nông Doan	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3260	Trần Quang Luyện	12/09/1950		270651700	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3261	Trần Thị Ngọc		12/11/1954	270542624	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3262	Nguyễn Văn Hải	15/01/1949		270542429	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3263	Trương Hoàng Sơn	1960		270968557	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3264	Nguyễn Hoàng Văn Khánh		20/11/2004		Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3265	Võ Anh Khoa	22/03/2006			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3266	Nguyễn Hữu Tài	1/7/2006			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3267	Nguyễn Phương Trần		18/06/2014		Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3268	Kiều Bảo Nghi		05/12/2011		Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3269	Nguyễn Quốc Nam	07/05/2008			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3270	Ôn Bảo Ngọc		02/04/2018		Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3271	Nguyễn Phi Anh	27/09/2005			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3272	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	05/03/2011			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3273	Trần Thị Huyền Trang		29/04/2012		Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3274	Nguyễn Thị Ngọc Dung		15/04/1970	272204004	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3275	Võ Lê Thùy		25/05/1968	272042089	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3276	Lương Anh Tuấn	18/06/1990		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3277	Lai Thị Tuyết Lan		06/01/1960	270560208	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3278	Châu Thị Ngọc Diệp		1987	271850356	Chu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3279	Phạm Thanh Vũ	15/02/1976		272451437	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3280	Phan Thanh Tuấn	16/10/1972		271988960	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3281	Lê Văn Mạnh	18/04/1997		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3282	Thị Thùy Dương		11/01/1991	272255180	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3283	293 Lý Vinh Hưng	1985		Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3284	294 Trần Đức Dũng	27/09/1976		Không làm	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3285	295 Nguyễn Thị Hoa		1962	270790246	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3286	296 Quý Minh	25/09/1993		025315655	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3287	297 Trương Văn Tiến	1989		271850405	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3288	298 Nguyễn Chí Hiếu	29/06/1988		Không làm	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3289	299 Nguyễn Duy Phương	20/08/1982		271450728	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3290	300 Nguyễn Thị Lê		1961	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3291	301 Nguyễn Tân Lộc	14/05/1984		271713740	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3292	302 Võ Thị Lê Thủy		1988	272587834	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3293	303 Hoàng Minh Báu	1966		270790734	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3294	304 Cao Thị Thanh Thương		20/08/2000	Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3295	305 Mai Thị Danh		21/01/1959	270542761	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3296	306 Ngô Thị Thủy		1960	272042241	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3297	307 Huỳnh Chí Cường	1986		Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3298	308 Phan Văn Hòa	05/10/1976		273653404	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3299	309 Vũ Duy Linh	09/09/1979		271297887	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3300	310 Hồ Thị Thanh Lữ		13/01/1968	272905114	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3301	311 Nguyễn Thị Mai		1950	Mất CMND	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3302	312 Nguyễn Thị Mau		1926	Mất CMND	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3303	313 Trần Văn Mừng	1920		270542657	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3304	314 Đặng Thị Chát		1938	272042097	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3305	315 Đinh Thị Can		1930	270495271	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3306	316 Hoàng Ym	1933		270495326	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3307	317 Nguyễn Thị Sen		23/03/1953	270154609	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3308	318 Đặng Văn Vinh	12/23/1950		020330346	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3309	319 Nguyễn Văn Phức	1956		270495467	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3310	320 Nguyễn Thị Lý		05/02/1955	273686752	Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3311	321 Hà Thị Bé		1933	270495415	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3312	322 Phan Hữu Tuấn	1958		Không làm	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3313	323 Hồ Thị Thành		1937	270541157	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3314	324 Võ Thị Phước		1933	270541085	Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3315	325 Nguyễn Thị Kim		06/06/1916	270527688	Khu Phố Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3316	326 Vũ Hà My		01/07/2006		Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3317	327 Trần Nguyễn Thiện Nhân	20/12/2008			Khu Phố Cẩm Tân	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3318	328 Trần Huỳnh My		21/02/2011		Khu Phố Nông Doan	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
12	PHÒNG BẢO QUANG							491.100.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3319	1 Nguyễn Thị Dành		1/1/1916	272723226	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3320	2 Nguyễn Trọng Liêm	20/11/1919		270527391	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3321	3 Võ Đước	1/5/1923		270551991	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3322	4 Nguyễn Thị Thiệu		2/5/1925	191080203	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3323	5 Nguyễn Chơn	1/1/1925		260055003	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3324	6 Trần Thị Hương		6/3/1926	160321295	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3325	7 Nguyễn Thị Chân		2/8/1926	271388089	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3326	8 Phạm Thị Cấn		2/9/1930	270527007	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3327	9 Tạ Văn Oanh	1/1/1930		272450971	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3328	10 Hồ Thị Hoàng		10/4/1938	272707193	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3329	11 Cao Văn Mạnh	1/1/1930		270527230	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3330	12 Nguyễn Thị Ỗ		1/3/1930	270572296	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3331	13 Nguyễn Văn Lợi	1/1/1931		270960171	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3332	14 Nguyễn Đức Bất	15/5/1930		270960274	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3333	15 Lê Thị Khang		1/1/1927	272003014	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3334	16 Võ Thị Giá		1/1/1930	270960010	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3335	17 Trần Thị Kim Cấn		2/1/1931	250032541	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3336	18 Nguyễn Văn Có	1/1/1927		270565167	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3337	19 Lý Gi Pầu	1/1/1932		270527252	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3338	20 Lương Thị Trâm		1/1/1926	160084716	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3339	21 Phạm Hoàng		1/1/1932	272549129	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3340	22 Phạm Thị Yên		1/1/1932	272497157	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3341	23 Mã Thị Năm		8/3/1932	270552460	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3342	24 Nguyễn Thị Bông		1/1/1932	272003803	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3343	25 Trương Thị Minh		1/1/1931	270585329	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3344	26 Lê Thị Ngọn		1/1/1930	270537258	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3345	27 Nguyễn Thị Nhanh		1/1/1933	270551883	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3346	28 Nguyễn Thị Nơ		1/1/1933	272549190	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3347	29 Phan Thị Kỳ		1/1/1933	272707610	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3348	30 Nguyễn Thị Đào		1/1/1933	272528148	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3349	31 Hồ Thị Chay		1/1/1933	272255395	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3350	32 Nguyễn Văn Phúc	1/1/1933		271988302	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3351	33 Trinh Hè	1/1/1933		272003827	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3352	34 Quang Văn Yên	1/1/1933		270822560	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3353	35 Trần Thị Ủy	1/1/1933		271046489	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3354	36 Nguyễn Đình Kim	10/10/1933		271229838	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3355	37 Nguyễn Thị Ẹt		1/1/1932	272707932	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19		
3356	38	Mọi Thị Cúc		26/11/1933	270527305	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3357	39	Trần Thùng	1/1/1934		271118790	18 Gia Định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3358	40	Nguyễn Đình Liễu	1/1/1934		270527195	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3359	41	Nguyễn Thị Huyền		1/1/1934	272235951	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3360	42	Nguyễn Thị Lê		1/1/1934	270960042	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3361	43	Phạm Thị Hợi		1/1/1934	270960027	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3362	44	Trần Thị Chin		1/1/1934	272634375	18 Gia định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3363	45	Phan Thị Mỹ		1/1/1933	270960060	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3364	46	Nguyễn Văn Tâm	1/1/1930		320281638	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3365	47	Trương Văn Hữu	1/1/1930		270822436	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3366	48	Nguyễn Thị	9/7/1934		270527403	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3367	49	Phạm Thị Yên		7/10/1934	272081147	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3368	50	Nguyễn Thị Tiên		1/1/1935	270583258	Lắc Chiêu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3369	51	Nguyễn Thị Lý		17/1/1935	270526947	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3370	52	Nguyễn Thị Kiên		1/1/1935	272671263	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3371	53	Nguyễn Thị Nghiễm		1/1/1935	270983892	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3372	54	Hồ Thị Thương		1/1/1935	272255692	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3373	55	Nguyễn Đức Mát	1/1/1935		270320876	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3374	56	Vân Thị Giải		1/1/1929	272707612	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3375	57	Trần Công Kiên	1/1/1935		270983896	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3376	58	Đoàn Thị Lạc		17/1/1935	271988086	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3377	59	Đinh Thị Xi		1/1/1935	270690017	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3378	60	Mai Thị Thêm		1/1/1935	270960889	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3379	61	Nguyễn Thị Bương		2/3/1935	271988066	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3380	62	Lê Giảng	10/4/1935		270960211	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3381	63	Hoàng Côn	20/6/1935		270527163	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3382	64	Trình Ngọc Sứ	3/8/1935		272790283	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3383	65	Trình Thị Hoa		19/9/1935	270960801	18 Gia định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3384	66	Lê Thị Diệu		18/9/1935	270527114	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3385	67	Trần Văn Tây	20/2/1934		272255834	18 Gia định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3386	68	Võ Văn Dữ	2/10/1935		272752376	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3387	69	Nguyễn Ngọc Trà	30/9/1933		270960289	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3388	70	Nguyễn Thị Côn		1/1/1936	272003176	18 Gia định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3389	71	Trần Văn Bé	1/1/1936		270565329	18 Gia định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3390	72	Lê Thị Cẩm		2/1/1936	270558950	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3391	73	Phạm Văn Dành	12/1/1936		270690056	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3392	74	Nguyễn Văn Kỳ	1/1/1936		271426081	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
3393	75 Nguyễn Kỳ	1/1/1936		272752345	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3394	76 Nguyễn Thị Hồng		15/2/1936	272752346	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3395	77 Trương Văn Phi	1/1/1936		272614529	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3396	78 Nguyễn Thị Đào		20/2/1936	272671214	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3397	79 Nguyễn Thị Mười		1/1/1936	272790483	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3398	80 Hoàng Công Hách	10/4/1936		024515141	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3399	81 Lê Thị Thái		1/1/1924	272752249	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3400	82 Huỳnh Hượt	15/4/1936		271113210	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3401	83 Võ Thị Bộc		1/1/1936	270297149	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3402	84 Lê Thị Năng		1/1/1935	272790419	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3403	85 Nguyễn Thị Tháo		12/7/1936	270960288	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3404	86 Nông Văn Ý	10/7/1936		272790285	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3405	87 Huỳnh Thị Dung		4/3/1936	271988067	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3406	88 Lê Hồng	20/8/1931		272634965	Ấp Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3407	89 Nguyễn Thị Sâm		30/9/1933	272614768	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3408	90 Nguyễn Thị Hòa		1/1/1934	272707327	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3409	91 Thi Dân		1/1/1936	270550896	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3410	92 Tăng Văn Hoàng	1/1/1937		272163305	18 Gia Đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3411	93 Đỗ Thị Phán		1/1/1937	272836563	18 Gia Đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3412	94 Nguyễn Thị Chuyển		1/1/1937	272042263	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3413	95 Võ Văn Sơn	30/12/1936		272813074	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3414	96 Nguyễn Thị Tô		1/1/1937	270960378	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3415	97 Đỗ Xuân Lai	1/1/1937		270690006	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3416	98 Lê Ngọc Sương	1/1/1937		270526995	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3417	99 Bùi Thị Tư		1/1/1937	270551985	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3418	100 Nguyễn Thị Hường		1/1/1937	270527049	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3419	101 Phùng Thị Đới		1/1/1937	272204589	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3420	102 Nguyễn Tri Sơn	5/2/1937		270669991	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3421	103 Nguyễn Đăng Tào	1/3/1937		271988969	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3422	104 Lê Xuân Tào	1/3/1937		271975366	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3423	105 Nguyễn Thị Quý		4/4/1937	270983921	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3424	106 Huỳnh Bé	2/4/1937		270539068	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3425	107 Huỳnh Ngọc Quang	12/5/1937		271046487	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3426	108 Đinh Văn Đì	7/7/1937		270552367	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3427	109 Vỹ Văn Khoa	14/7/1937		270138595	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3428	110 Bùi Thị Kỳ		12/8/1937	210300682	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3429	111 Đỗ Thị The		30/9/1937	270527129	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3430	Nguyễn Thị Châu		9/1/1937	271988202	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3431	Nguyễn Thị Châu		10/5/1937	271988694	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3432	Nguyễn Rô	1/1/1935		270527519	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3433	Vân Thị Thu		12/10/1937	271988096	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3434	Vân Thị Hết		10/20/1937	270822327	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3435	Phạm Thị Diệu		1/1/1928	270690109	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3436	Lê Thị Cúc		1/1/1934	,025781957	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3437	Hoàng Thị Sung		1/1/1938	,24515594	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3438	Trương Thị Nghệ		1/1/1938	271988263	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3439	Ngô Thị Thăng		1/1/1938	270540301	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3440	Bùi Thị Bảy		1/1/1938	272451020	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3441	Nguyễn Văn Thanh	1/1/1938		272255780	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3442	Nguyễn Thị Hoa		1/1/1938	270527461	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3443	Nguyễn Rô	1/1/1938		272752624	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3444	Nguyễn Thị Năm		1/1/1938	271631805	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3445	Lê Thị Tâm		1/1/1938	271988248	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3446	Vô Thị Liên		3/2/1938	270551926	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3447	Nguyễn Thị Chèo		1/5/1938		18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3448	Nguyễn Văn Hai	1/1/1934		270527343	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3449	Mai Thị Đào		20/8/1938	272906209	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3450	Nguyễn Thị Vân		27/8/1938	270538293	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3451	Nguyễn Thanh Ba	30/10/1938		271988292	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3452	Đinh Thị Hồng		6/8/1938	271806168	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3453	Nguyễn Thị Lưu		1/1/1939	270690052	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3454	Nguyễn Thị Nảy		1/1/1939	270360468	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3455	Phạm Thị Trĩ		1/1/1939	271388233	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3456	Nguyễn Thị Rê		1/1/1939	271988351	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3457	Trần Ánh Hồng		1/1/1939	272558673	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3458	Hà Thị Tâm		1/1/1939	271338095	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3459	Nguyễn Thị Dệt		1/1/1939	270527023	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3460	Huỳnh Hành	1/1/1939		270527487	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3461	Nguyễn Phú Phong	15/7/1938		271631798	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3462	Vương Thị Nhi		1/1/1939	272671198	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3463	Hồ Thị Dơ		1/1/1939	272960497	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3464	Lê Thị Tâm		1/2/1939	271988123	Lắc Chiếu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3465	Nguyễn Đăng Phiếu	2/10/1939		270960082	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3466	Nguyễn Thanh Phương	1/1/1936		310382334	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3467	149 Nguyễn Hay	15/11/1938		270656120	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3468	150 Hoàng Văn Bảo	31/5/1939		270565967	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3469	151 Nguyễn Hữu Tư	7/9/1939		270527136	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3470	152 Hồ Thị Hương		1/1/1937	391708911	Lác Chiếu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3471	153 Nguyễn Quốc Toàn	1/10/1939		271988762	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3472	154 Dương Thị Mai		16/10/1939	272905761	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3473	155 Phan Văn Lộc	1/1/1933		272361050	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3474	156 Hà Thị Ca		12/12/1939	270527115	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3475	157 Nguyễn Văn Sáu	1/1/1940		271150461	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3476	158 Phạm Thị Hoa		1/1/1940	272905706	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3477	159 Dương Văn Cháp	1/1/1940		270526952	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3478	160 Nguyễn Văn Lực	1/1/1940		271143400	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3479	161 Đỗ Điện	1/1/1940		270822491	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3480	162 Võ Văn Thịnh	1/1/1940		270960334	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3481	163 Trần Thị Hèn		1/1/1940	270860089	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3482	164 Nguyễn Thị Mich		1/1/1940	270983916	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3483	165 Nguyễn Thị Hòa		1/1/1940	272003270	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3484	166 Nguyễn Thị Mười		1/1/1940	271806989	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3485	167 Huỳnh Thị Tài		13/1/1940	272752625	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3486	168 Trần Thị Ba		1/1/1940	272906110	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3487	169 Nguyễn Thị Điệp		2/1/1940	270960331	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3488	170 Nguyễn Đăng Thứ	2/1/1940		272003849	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3489	171 Nguyễn Văn Triêm	2/1/1940		271988249	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3490	172 Mai Thị Thương		30/7/1984	271713343	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3491	173 Phan Văn Vững	1/1/1966		272558726	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3492	174 Bùi Như Hương	1/1/1978		352555363	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3493	175 Nguyễn Phước Thuận	27/7/1981		271713367	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3494	176 Huỳnh Lục Muội	1/1/1960		270537359	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3495	177 Hồ Viết Lý	10/1/1990		BT27575241394	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3496	178 Nguyễn Thị Hà		16/4/1993	T27575239830	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3497	179 Nguyễn Thị Hồng Đào		10/10/1993	T27575241448	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3498	180 Nguyễn Văn Hùng	1/1/1975		BT27575241189	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3499	181 Nguyễn Văn Lộc	14/6/1987		BT27575240153	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3500	182 Vy Thị Hoàng Châu		1/1/1984	T27575240823	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3501	183 Huỳnh Thị Thu		1/1/1989	272614302	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3502	184 Nguyễn Duy Thanh	28/2/1989		BT27575241416	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3503	185 Nguyễn Lê Minh	8/7/1991		272813747	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3504	186 Nguyễn Dư	1/1/1982		BT27575238173	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3505	187 Phạm Thị Thảo Oanh		9/3/1994	272813738	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3506	188 Nguyễn Thị Như Ý		26/7/1998	27575239868	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3507	189 Lê Thị Thu Cúc		17/12/1995	272813749	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3508	190 Thị Hiền		28/12/1999	272671976	Lạc Chiểu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3509	191 Nguyễn Thành Hiếu	1/1/1999		272813748	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3510	192 Nguyễn Văn Nhanh	8/12/1982		271449487	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3511	193 Trần Thị Nhỏ		1/1/1973	272752874	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3512	194 Hà Thái Hưng	20/11/1967		271215635	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3513	195 Huỳnh Thị Yên		9/6/2001	Khai sinh	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3514	196 Trương Thanh Sang	10/9/2001		272813711	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3515	197 Thị Liên		11/2/2002	272813711	Lạc Chiểu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3516	198 Đoàn Thị Thanh Ngân		19/4/2003	27575240146	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3517	199 Phan Thê Sanh	6/2/1964		272905751	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3518	200 Huỳnh Quốc Thắng	30/10/1987		271896557	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3519	201 Phạm Mậu	1/1/1930		272723192	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3520	202 Đặng Thị Phú		1/1/1951	320352361	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3521	203 Nguyễn Hai	2/1/1934		270983850	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3522	204 Nguyễn Thị Trường		1/1/1942	272558628	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3523	205 Trần Thị Hai		1/1/1935	270576419	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3524	206 Phạm Hoàng	1/1/1946		220478074	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3525	207 Trần Thị Hương		1/1/1934	272723409	Lạc Chiểu	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3526	208 Mông Nhi Cầu		24/1/1946	270582772	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3527	209 Phan Thị Năm		1/1/1941	270565305	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3528	210 Hoàng Văn Tổng	1/1/1956		272634227	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3529	211 Đinh Quang Châu	1/1/1924		272587974	Lạc Chiểu	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3530	212 Nguyễn Tấn Khải	15/11/1940		270538287	Lạc Chiểu	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3531	213 Võ Hữu Ba	20/3/1942		270564470	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3532	214 Trần Công	4/4/1940		272003272	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3533	215 Thị Liễu		1/1/1932	270526824	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3534	216 Nguyễn Thị Hai		1/1/1955	270538025	18 Gia Đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3535	217 Bùi Thị Hào		1/1/1946	272352261	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3536	218 Phan Thị Con		3/2/1933	270527216	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3537	219 Phạm Thị Nga		1/1/1935	270980783	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3538	220 Nguyễn Trí Toàn	15/8/1951		270960061	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3539	221 Nguyễn Thị Lan		1/1/1937	272813764	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3540	222 Thăng Lý Cường	28/1/1960		272634520	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3541	Trần Thị Thu Hiền		12/6/2009	Khai sinh	Bàu Cối	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3542	Hà Quốc Thắng	27/6/2004		Khai sinh	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3543	Nguyễn Gia Hưng	7/5/2012		Khai sinh	Ruộng Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3544	Thổ Thị Yên Nhi		6/2/2007	Khai sinh	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3545	Lê Văn Tâm	10/9/2009		Khai sinh	Thọ An	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3546	Nguyễn Thị Bích Phương		25/9/2007	Khai sinh	18 Gia đình	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3547	Trần Hiếu	1/1/1973		271046467	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3548	Trình Thị Nở		1/1/1965	271046467	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3549	Trần Đình Tiên	2/1/1967		271806961	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3550	Nguyễn Thanh Hải	2/9/1984		272813796	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3551	Nguyễn Trung Nhân	27/1/1990		BT27575240498	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3552	Trần Văn Tài	1/3/1995		272813801	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3553	Phan Kim An	7/7/1969		270917282	18 Gia Đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3554	Điền Khương	1/1/1982		271502736	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3555	Nguyễn Thị Thanh Thủy		3/8/1991	272906717	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3556	Lương Bảo Khỏe	1/1/1981		271405330	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3557	Đinh Công Dũng	22/5/1985		271501073	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3558	Lê Thị Thu		15/10/1978	271355063	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3559	Trương Đình Sinh	1/1/1983		272335233	18 Gia Đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3560	Nguyễn Thị Liên		1/1/1963	272575131549	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3561	Lương Bảo Sang	18/10/1987		271896660	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3562	Lý Hữu Toàn	18/10/1987		272236348	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3563	Hoàng Thị Trâm Anh		18/4/1978	271333794	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3564	Nguyễn Đăng Sơn			270960274	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3565	Đoàn Ngọc Thùy	1/1/1975		270853468	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3566	Trần Thị Đẹp	10/10/1970		272163167	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3567	Hoàng Thị Kim Nga		1/1/1969	271502652	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3568	Thị Dung		3/10/1982	271773325	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3569	Trần Công Tuấn	10/4/1996		272614047	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3570	Lý Văn Lộc	1/1/1967		272423614	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3571	Huỳnh Thị Thủy Loan		17/2/1998	272587916	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3572	Nguyễn Thị Thanh Sang		10/8/1989	272336905	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3573	Nguyễn Thị Thanh Thùy		1/1/1976	272881113	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3574	Lý A Vành	7/3/1976		272813836	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3575	Vũ Trung Nghĩa	8/10/1973		271396083	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3576	Nguyễn Văn Thanh	1/1/1963		270536820	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3577	Nguyễn Văn Cư	1/1/1967		270853254	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3578	260 Lê Văn Bé Ba	1/1/1967		272137704	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	Đã hưởng 900.000đ vé
3579	261 Nguyễn Thị Biều		1/1/1970	270960541	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3580	262 Trần Thị Thanh Vân		13/12/1999	272671985	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3581	263 Nguyễn Thị Mỹ Lan		12/2/1999	272672005	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3582	264 Nguyễn Thị Nhân		1/1/1975	211919521	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3583	265 Trương Minh Dũng	1/1/1973		272396866	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3584	266 Nguyễn Thanh Minh	18/9/1999		BT27575264466	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3585	267 Trần Văn Đoài	1/1/1974		271257069	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3586	268 Nguyễn Cao Phúc	3/5/1988		271831325	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3587	269 Nguyễn Thành Tiến	18/2/2000		272733878	Lạc Chiểu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3588	270 Nguyễn Minh Xuân	31/1/1970		270960328	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3589	271 Phạm Hoàng Đạt	18/4/1985		271600502	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3590	272 Võ Công Giáo	3/11/1977		271229563	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3591	273 Võ Tấn Thành	23/10/2000		272813743	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3592	274 Nguyễn Kiên Hùng	2/1/1996		272450891	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3593	275 Ông Thị Trang		15/7/1977	271396870	Lạc Chiểu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3594	276 Ông Đình Hào	17/10/1981		271546928	Lạc Chiểu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3595	277 Ông Văn Vinh	7/3/1976		271815776	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3596	278 Nguyễn Trần Lê An	20/5/1999		BT27575241286	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3597	279 Trương Văn Thìn	1/1/1966		272813784	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3598	280 Vũ Đức Phúc	11/6/1968		270960283	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3599	281 Phùng Tân Đức	1/1/1991		272163781	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3600	282 Đặng Kim Thu	1/1/1987		271821162	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3601	283 Vũ Hoài Thanh	10/1/1997		272905704	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3602	284 Nguyễn Trần Đoàn Khang		16/9/2002	276007175	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3603	285 Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/8/2002		BT27575239817	Bàu Cối	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3604	286 Trần Lễ	2/4/1961		272352419	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3605	287 Nguyễn Văn Hình	9/11/1981		271515157	Thọ An	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3606	288 Trần Thị Liên		20/6/1996	272620252	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3607	289 Thổ Chương	9/3/2003		BT27575264535	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3608	290 Huỳnh Thị Kim Thương		30/10/1995	272653623	18 Gia đình	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3609	291 Nguyễn Văn Tấn	1/1/1941		271631807	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3610	292 Trần Văn Giáp	1/1/1937		300472382	Thọ An	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3611	293 Hoàng Thuyền	2/11/1946		270983982	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3612	294 Nguyễn Hữu Tâm	1/1/1952		271150483	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3613	295 Nguyễn Huy	17/3/1932		270960527	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3614	296 Huỳnh Thị Vân		2/6/1933	250100118	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3615	297 Lê Thị Lan		1/1/1938	272352419	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3616	298 Nguyễn Trí Thúc			271897687	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3617	299 Nguyễn Thị Dán	1/1/1953		270338866	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3618	300 Đỗ Văn Cơ	5/7/1953	1/1/1933	270527219	Thọ An	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3619	301 Mai Văn Quyền	22/5/1955		270120943	18 Gia Đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3620	302 Nguyễn Thị Chi		10/5/1955	310318215	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3621	303 Hoàng Thị Hương		29/11/1941	271988286	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3622	304 Doãn Hai	8/4/1954		270950411	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3623	305 Lê Thị Ngọc Tiếp		1/1/1956	270539384	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3624	306 Trần Thị Rừng		11/6/1946	272003877	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3625	307 Nguyễn Thị Cấn		1/1/1943	270960834	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3626	308 Hồ Văn Thành	7/3/1954		272030776	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3627	309 Hồ Mèo	1/1/1950		272790587	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3628	310 Trịnh Văn Khả	24/6/1955		271806984	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3629	311 Hoàng Thị Lại		1/1/1939	272014783	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3630	312 Phạm Thị Châu		1/1/1940	272081662	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3631	313 Nguyễn Văn Xuân	1/1/1932		270551137	Lác Chiếu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3632	314 Nguyễn Thị Phương Trang		9/10/2004	27575240331	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3633	315 Phạm Quốc Cường	4/1/2012		TE1757524101656	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3634	316 Lê Thiên Dũng	24/10/2005		BT27575241258	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3635	317 Vũ Tuấn Kiệt	18/02/2007		BT27575240486	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3636	318 Hoàng Phú Cường	26/11/2004		247891476	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3637	319 Huỳnh Vũ Gia Bảo	12/10/2015		TE17575260989	18 Gia đình	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3638	320 Phạm Minh Đức	2/2/2013		TE17575263356	Bàu Cối	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3639	321 Thỏ Thanh Hòa	9/9/2013		TE 17575260988	Ruộng Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3640	322 Nguyễn Hà Kim Uyên (Nguyễn Thị Út nuôi)		17/6/2007	27575241315	Ruộng Tre	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3641	323 Nguyễn Thị Thoa		25/11/1946	270527112	Thọ An	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
3642	324 Nguyễn Văn Bê	1/1/1954		271226457	Lác Chiếu	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
3643	325 Võ Thị Thanh Bình		1/1/1946	270551825	Ruộng Tre	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
3644	326 Nguyễn Văn Thành	1/1/1930		270483758	18 Gia Đình	Người cô đơn trên 80 tuổi là hộ nghèo	600.000	1.500.000	
3645	327 Trương Ngọc Phi		29/3/1937	272752560	18 Gia Đình	Người cô đơn trên 80 tuổi là hộ nghèo	600.000	1.500.000	
	Nhạc Thị Phần (Nguyễn Thị Kim Chi nhận nuôi dưỡng)		28/12/1952	272752458	18 Gia Đình	NCTĐHN CNCS	900.000	1.500.000	
3646	328								

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
13	XÃ BÀU TRÀM							235.700.000	
3647	1 Nguyễn Thị Toàn	1/1/1922	x	270565629	Tổ 6 BT	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết tháng 4
3648	2 Nguyễn Thị Cả		1/2/1915	210661146	Tổ 2 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3649	3 Nguyễn Văn Toàn	1/1/1920		180958814	Tổ 4 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3650	4 Trần Văn Ban	1/1/1924		270530863	Tổ BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3651	5 Thị Xiêm		1/1/1925	270572248	Tổ 13 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3652	6 Nguyễn Thị Mẫn		1/1/1928		Tổ 6 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3653	7 Đoàn Thị Trung		26/7/1928	210757862	Tổ 6 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3654	8 Trần Hiền	1/1/1930		270572880	Tổ 4 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3655	9 Nguyễn Thị Nhon		1/1/1931	270952302	Tổ 12 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3656	10 Thị Tiêm		1/1/1930	270552394	Tổ 3 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3657	11 Chi Vinh Lý	1/1/1930		271631705	Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3658	12 Trần Thị Hạnh		1/1/1929	210442997	Tổ 4 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3659	13 Hoàng Thị Tâm		1/1/1926		Tổ 6 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3660	14 Nguyễn Thị Phụng		19/7/1922	270750614	Tổ 9 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3661	15 Phạm Thị Thanh		1/1/1933	272163358	Tổ 4 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3662	16 Đặng Thị Ánh		1/1/1933	270983702	Tổ 2 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3663	17 Nguyễn Thị Hương		1/1/1933	272451288	BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3664	18 Đỗ Văn Trương	1/1/1932		270960972	Tổ 7 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	Chưa hưởng
3665	19 Nguyễn Văn Quyển		10/7/1933		Tổ 1 BT	Người cao tuổi	300.000	600.000	990.000đ vé
3666	20 Nguyễn Thị Ngân		1/1/1934	150579912	Tổ 3 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3667	21 Thị Đom		1/1/1935	270552343	Tổ 3 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3668	22 Nguyễn Thị Lương		20/1/1935	270651049	Tổ 9 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3669	23 Trần Thị Quý		1/1/1935	270572875	BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3670	24 Đào Lâm	6/3/1935		272332736	BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3671	25 Phạm Thị Hương		3/4/1935	270.724.332	Tổ 5 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3672	26 Trịnh Thị Búp		15/5/1935	270.857.542	Tổ 10 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3673	27 Lê Văn Cốc	1936		270.552.320	Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3674	28 Trần Thị A		1936	271.632.980	Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3675	29 Trần Thị Sinh		1936	270.530.643	Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3676	30 Trần Văn Ngọc	15/9/1936		272.255.352	Tổ 10 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3677	31 Trần Văn Bình	26/10/1936		270.564.884	Tổ 10 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3678	32 Dương Văn Chín	1/1/1934			Tổ 13 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3679	33 Võ Tấn Anh	10/10/1935		271.866.328	Tổ 8 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3680	34 Thị Kịch		1937	270.565.777	Tổ 11 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3681	35	Thò Thị Phệt		1937	Tổ 12 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3682	36	Phạm Thị Giàu		1937	Tổ 6 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3683	37	Tổ Ngọt	1937		Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3684	38	Võ Văn Cúc	1937		Tổ 6 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3685	39	Lê Thị Thảo		1937	Tổ 14 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3686	40	Thị Nhanh		1938	Tổ 3 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3687	41	Trần Chiêu	12/2/1937		Tổ 2 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3688	42	Trần Bá Kiều	15/03/1937		Tổ 9 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3689	43	Đoàn Khai	1/5/1937		Tổ 1 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3690	44	Võ Hóa	10/7/2017		Tổ 4 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3691	45	Võ Thị Hà		1/1/1938	Tổ 15 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3692	46	Lê Năm	1/1/1938		Tổ 9 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3693	47	Nguyễn Thị Đồng		1/1/1938	Tổ 8 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3694	48	Nguyễn Thị Tốt		19/02/1938	Tổ 7 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3695	49	Lương Thị Hương		12/25/1938	Tổ 7 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3696	50	Lê Thị Luân		5/25/1938	Tổ 4 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3697	51	Phạm Thị Y		4/20/1938	Tổ 1 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3698	52	Thỏ Hải	1/1/1938		Tổ 5 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3699	53	Lê Thị Ngọc		6/6/1938	Tổ 1 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3700	54	Hoàng Thị Hương		9/19/1938	Tổ 9 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3701	55	Lê Thị Nhị		12/20/1938	Tổ 1 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3702	56	Đỗ Thị Dậu		1/1/1939	Tổ 1 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3703	57	Phạm Minh ứng	1/1/1939		Tổ 1 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3704	58	Nguyễn Khang Khương	6/15/1939		Tổ 6 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3705	59	Phan Thị Tánh		10/10/1939	Tổ 5 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3706	60	Dương Thị Lan		1/1/1940	Tổ 3 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3707	61	Huỳnh Thị Úa		1/1/1940	Tổ 3 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3708	62	Lê Kim Chung	1/1/1940		Tổ 18 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3709	63	Nguyễn Thị Hai		1/1/1940	Tổ 8 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3710	64	Phạm Thị Phụng		1/1/1940	Tổ 8 BS	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3711	65	Võ Khả	1/1/1940		Tổ 7 BT	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3712	66	Phạm Thị Quỳnh		1/1/1984	Tổ 5 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3713	67	Thị Diệp		1/1/1994	Tổ 3 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3714	68	Lê Đức Đạt	15/6/1987		Tổ 10 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3715	69	Nguyễn Quốc Dũng	11/8/1981		Tổ 3 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3716	Nguyễn Thị Mỹ Tâm		1/1/1988	271896695	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3717	Phan Ngọc Mùi	1/1/1968		272558434	Tổ 2 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3718	Vì Thanh Được	24/12/1987		271733182	Tổ 13 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3719	Nguyễn T. Ngọc Sinh		23/10/1983	271616447	Tổ 6 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3720	Phạm Văn Chung	5/10/1983		272379389	Tổ 8 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3721	Dương Thị Quê Hào		1/1/1975		Tổ 2 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3722	Nguyễn Tân Vinh	8/5/1985		272042297	Tổ 2 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3723	Thổ Xùn	2/10/1964			Tổ 13 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3724	Lê Thị Mỹ Thuát		3/10/1985		Tổ 13 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3725	Nguyễn Thị Nương		1/1/1981	272450308	Tổ 8 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3726	Chí Vinh Lý	27/7/1995	x	272423309	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3727	Ng. T. Hồng Khuyên		27/10/2000		Tổ 10 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3728	Trần Quốc Hạnh	1/1/1972	x		Tổ 9 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3729	Võ Tấn Bình	1/1/1974			Tổ 8 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3730	Thổ Thành Chương	1/1/1987			Tổ 15 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3731	Lữ Thị Ngọc		2/3/1969	270881354	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3732	Nguyễn Đức Trung	15/3/1966		271988633	Tổ 7 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3733	Đặng Thanh Trí	7/3/1970		270868357	Tổ 6 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3734	Bùi Thanh Tùng	14/06/1981		271.485.623	Tổ 13 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3735	Kim Trung Hiếu	1/1/1991		272.423.273	Tổ 4 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3736	Đặng Thị Duyên		8/18/1988	112.286.754	Tổ 4 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3737	Lê Văn Cảnh	15/10/1950		272396925	Tổ 16 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3738	Hồ Thị Lan		1/1/1951	270952251	Tổ 4 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3739	Phạm Thị Xuyên		1/1/1951	270120847	Tổ 5 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3740	Phan Văn Hà	1/1/1946		272586827	Tổ 2 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3741	Nguyễn Châu		1/2/1946	272.450.028	Tổ 2 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3742	Nguyễn Thị Đang		1/1/1924		Tổ 11 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3743	Trình Ngọc Bảo	22/2/1929		200011429	Tổ 5 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3744	Lê Thị Yến		12/2/1954	200571095	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3745	Bùi Thị Thái	1/1/1923		270530791	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3746	Phạm Thị Thương		14/4/1958	273411445	Tổ 1 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3747	Phạm Văn Diễm	1/1/1933		272003315	Tổ 4 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3748	Lê Thị Mỹ Lan		1949	272047998	Tổ 5 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3749	Lê Thị Can		25/6/1932	100067734	Tổ 11 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3750	Thổ Thâm	1/1/1922		270565833	Tổ 11 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3751	Nguyễn Thị Ít		9/19/1932	270.576.369	Tổ 8 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3752	Phạm Thị Thuần		9/18/1953	210.809.615	Tổ 17 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	